

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 04/01/2026 / As at 04 Jan 2026

|   |                                                                    |                                                                                                                 |
|---|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | <b>Tên Công ty Quản lý Quỹ:</b><br><i>Fund Management Company:</i> | <b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam</b><br><i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i>                     |
| 2 | <b>Tên Ngân hàng Giám sát:</b><br><i>Supervising bank:</i>         | <b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b><br><i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i> |
| 3 | <b>Tên Quỹ ETF:</b><br><i>Fund name:</i>                           | <b>QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT</b><br><i>KIM GROWTH VNFINSELECT ETF</i>                                      |
| 4 | <b>Mã chứng khoán:</b><br><i>Code:</i>                             | <b>FUEKIVFS</b><br><i>FUEKIVFS</i>                                                                              |
| 5 | <b>Ngày lập báo cáo:</b><br><i>Reporting date:</i>                 | <b>05/01/2026</b><br><i>05 Jan 2026</i>                                                                         |

Đơn vị tính/ Currency: VND

| STT<br>No | CHỈ TIÊU<br>Criteria                                     | Mã số<br>Code | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>04/01/2026 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>01/01/2026 |
|-----------|----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>1</b>  | <b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>            |               |                                     |                                       |
| 1.1       | Của quỹ ETF/Per Fund                                     |               | 281.886.271.182                     | 281.910.107.571                       |
| 1.2       | Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate |               | 1.740.038.711                       | 1.740.185.849                         |
| 1.3       | Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate               |               | 17.400,38                           | 17.401,85                             |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát**  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*



**Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam**

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ**  
**Người được ủy quyền công bố thông tin**  
*Authorised Representative of Fund Management Company*  
*Authorised Person in disclosing information*



**Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam**

**Hyun Dongsik**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**